

BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 38, Tháng 5-6, 1998

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481-0217



Độc trong số này

- Sửa Đổi Lỗi Làm Thì Nghiệp Sẽ Tiêu Tan
- Lời Cảnh Tỉnh
- Kim Cang Kinh Thiển Thích Phần 2: Thiện Hiện Khải Thỉnh
- Nhân Mùa Phật Đản: Ý Nghĩa Lễ Tắm Phật
- Thông Báo
- Tam Sinh Thạch
- Thế Nào Là Ma Nghiệp?
- HT Hư Vân Họa Truyện #11 Triều Bái Các Chùa Ở Nam Nhạc

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Assn.
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803
Tel./ Fax. (562) 438-8902
E-mail: BoDeHai@aol.com
www.saigon.com/~fopusa/

Sửa Đổi Lỗi Làm Thì Nghiệp Sẽ Tiêu Tan Faults When Changed Will Disappear

Ven. Master Hsuan Hua

HT Tuyên Hóa

Người ta sống cùng một nơi với nhau tức là có duyên với nhau, do đó đừng nên sanh lòng bực bội, tức giận, và càng không nên mắng chửi lẫn nhau - các hành vi như thế hoàn toàn không thích hợp và không thể chấp nhận được. Hy vọng mọi người đều có được công phu tu dưỡng và phong độ của bậc quân tử.

Trong Lục-độ, pháp môn *Nhẫn-nhục* quan trọng bậc nhất. Mọi người phải tu tập pháp môn *Nhẫn-nhục* cho viên mãn thì mới có sự thành tựu. Người tu đạo tuyệt đối không được “nhóm lửa trong gan,” không được nổi giận, cần phải nhẫn nhịn mọi chuyện, bởi có câu rằng:

“Vô minh hỏa thiêu tận công đức lâm.”
(Lửa vô minh - sự nóng giận - đốt sạch rừng công đức.)

All of you who are dwelling together in one place have affinities with each other, and so you should not become angry, and even more so, you should not scold each other. Such behavior is totally unacceptable. I hope that all of you will have the deportment of superior people and the skill of restraining your tempers. Among the Six Paramitas, the Dharma-door of *patience* is very important. If all of you cultivate the Dharma-door of patience to perfection, then you will have reached an accomplishment. Cultivators of the Way absolutely must not be hot tempered, but instead should endure everything. As the saying goes: “*The fire of ignorance burns down the forest of merit and virtue.*” Whatever you do, you must remember this.

Today, there is a disciple who wanted to make a formal public

Do đó các bạn phải ghi nhớ điểm này bằng mọi giá!

Hôm nay có một đệ tử xin được sám hối. Tôi thấy lỗi y phạm không nghiêm trọng lắm, nên bảo y rằng không cần phải ra trước đại chúng mà sám hối, chỉ cần y hối cải, sửa đổi lỗi lầm là được. Cổ nhân có nói:

*“Nhân phi Thánh Hiền, thực năng vô quá?
Quá vật đản cải, thiện mạc đại yên!”*

Nghĩa là:

*“Con người nào phải Thánh Hiền, ai chẳng làm lỗi?
Chẳng sợ sửa đổi, còn gì tốt hơn!”*

Tự mình biết lỗi, về sau không tái phạm là tốt rồi; nên nói:

*“Hữu quá năng cải quy vô.”
(Có lỗi mà sửa đổi tội lỗi sẽ sạch tiêu.)*

Biết sửa đổi lỗi lầm thì lỗi lầm không còn nữa. Dù là tội lớn tày trời, nếu biết sám hối thì tội cũng sẽ tiêu tan. Chỉ e rằng tự biết mình sai mà lại cứ cứng đầu cho là đúng - điều sai lầm mà chấp đúng thì lại càng sai nữa!

Những điều tôi nói hôm nay không phải dành riêng cho một cá nhân nào mà là cho chung tất cả mọi người. Bất luận người nào, nếu nhận thấy mình thuộc vào trường hợp nói trên thì hãy mau mau sửa đổi; còn nếu không thuộc vào trường hợp trên, thì hãy tự khích lệ, lấy đây làm điều sách tấn. Phạm hễ mình có thái độ không được viên mãn tốt đẹp với người khác, thì nên lập tức cải thiện ngay.

Các bạn đến được đây (chùa) là nhờ bao kiếp lâu xa về trước đã gieo trồng thiện duyên, kết duyên lành với nhau; nếu không thì kiếp này không thể tụ hội lại như thế này được. Đó là điều mà mọi người cần phải hiểu rõ; nhất là mang danh Phật tử lại càng nên chú trọng đến chữ “duyên” hơn nữa! Tục ngữ có câu:

*“Có duyên, ngàn dặm về gặp gỡ,
Không duyên, đối diện chẳng biết nhau.”*

Hai câu này thật là đầy triết lý.

repentance. I saw that his offense was not a major one, and so I told him that he does not need to repent before the assembly. It would be sufficient if he would change. The ancients said:

“People are not worthies and sages—who can be without error?

To have faults and to not shrink from changing them—there is no greater goodness.”

When you yourself know you have done something wrong, provided you do not make that mistake again, things will be all right. As it is said:

“Faults when changed then disappear.”

Once corrected, your mistakes are eradicated. Even offenses so great that they fill the heavens, will be obliterated once you repent of them. It’s only to be feared that, while knowing you are at error, you stubbornly insist that you are right, and argue your own case unreasonably. That is truly wrong.

What I am saying is not just being said for one person, but for all of you. Whoever you may be, if you in that kind of situation, you should quickly change, and not continue to maintain a false front. The ways in which you are not as you should be with regard to others should be immediately corrected. All of you who have come here have planted wholesome affinities in the past. Otherwise, you would not have been able to assemble together in this lifetime. You should all be clear about this point. Buddhists, in particular, should emphasize “affinities.” There is a popular expression which states this principle very well. It says:

“Those with affinities come together from a thousand miles away. Those lacking affinities, even face to face, do not recognize each other.”

There are a lot of principles implied in these two lines.

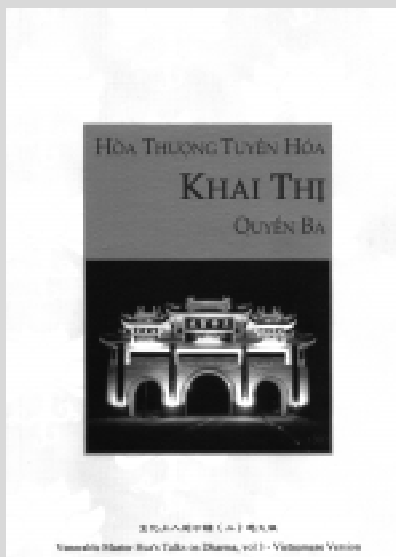
We, who are living together should have respect for each other and be mutually supportive of each other. It is not permissible to look on

Các bạn nên kính trọng, giúp đỡ lẫn nhau, chứ không nên có thái độ thờ ơ “khoanh tay đứng nhìn” hoặc “đứng bên kia bờ xem nhà cháy.” Mọi người hãy học tinh thần của chư Bồ Tát, thấy chúng sanh chìm đắm, khổ sở trong cảnh “nước sôi lửa bỏng” thì cảm thấy như chính bản thân mình đang chịu khổ. Do đó các Ngài tìm cách cứu chúng sanh thoát khỏi biển khổ - đó là bổn phận của tín đồ Phật Giáo. Chúng ta không nên có tâm trạng “hạnh tai lạc họa,” (vui mừng trước tai họa của người khác). Đó là điều tối kỳ vọng ở tất cả các bạn. Hy vọng rằng ai ai cũng có tấm lòng Bồ Tát - sẵn sàng quên mình vì người.

Trong mỗi ý niệm, mình nên luôn luôn nghĩ cách hỗ trợ Phật giáo, hoằng dương Phật Pháp, tất cả đều vì Phật giáo mà phục vụ. Hãy làm một tín đồ Phật Giáo chân chính, không sợ khó nhọc, chẳng ngại gian nan, tận tâm tận lực ủng hộ đạo tràng. Phải ở trong Phật giáo mà “lập công lập ngôn,” làm việc công đức, nói lời chân thật, thì mới đúng là một Phật-tử. Các bạn cần phải có năng lực dũng mãnh chiến đấu thì mới có thể “bách chiến bách thắng”; không được vừa lâm trận là đầu hàng, không vượt qua nổi thử thách. Nếu vượt qua được thử thách thì các bạn không còn ở cách Đạo bao xa nữa!

and laugh from the sidelines, or to watch the fire and jeer from the opposite bank. You should learn the spirit of the Bodhisattvas, who upon seeing living beings undergoing suffering in deep water or intense fire, feel as if they, themselves were undergoing that torment, and find ways to help those beings leave the sea of suffering. That is the fundamental responsibility of a Buddhist. Your attitude should not be one of rejoicing in the misfortunes of others. This is my wish for all of you. I hope that each one of you will have the sympathies comparable to that of a Bodhisattva, and will sacrifice yourself for the sake of others.

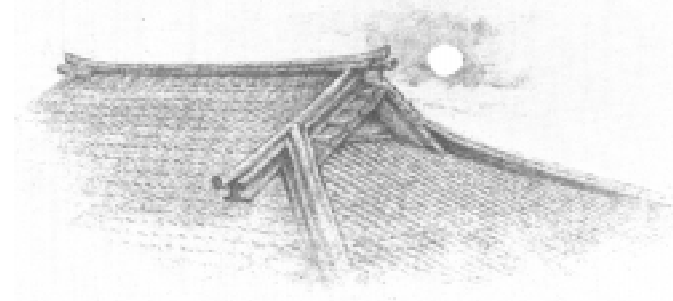
In every instant of thought, be of assistance to Buddhism, propagate the Buddha Dharma, and take responsibility for Buddhism in every way. Be true Buddhist disciples. Do not fear suffering or difficulty. You should exhaust your efforts to protect the Way Place (Bodhimanda), and establish merit and words within Buddhism. A true Buddhist will have the ability to keep up a good fight with courage, and will emerge victorious from every battle. It shouldn't be that you can not stand the test, and that you go down in defeat as soon as you enter the fray. If you can stand the test, then you are not far from the Way.



Khai Thị 3 & Hoa Sen Ngày Xuân

Khai Thị 3 đã xuất bản và Hoa Sen Ngày Xuân đã tái bản. Nếu quý Phật tử muốn thỉnh xin gửi cước phí về Tu Viện Long Beach.

Ban Việt ngữ của Viện dịch Kinh sẽ tiếp tục phiên dịch và ấn tống những dẫn giải về Kinh Luận cùng các bài Pháp thoại của Cố Lão Hòa Thượng. Kính mong quý Phật tử hoan hỷ hỗ trợ công đức ấn tống kinh sách và băng đọc của bốn Viện được viên mãn. Chi phiếu xin đề DRBA/ Vietnamese Account.



Lời Cảnh Tỉnh

Sư Cô Chứng Nghiêm

(tiếp theo)

Sư Cô Chứng Nghiêm (Master Cheng Yen) quê quán ở tỉnh Đài Trung, Đài Loan. Năm 23 tuổi cô xuất gia, sống đời thanh đạm tu hành. Vào thời ấy vì hoàn cảnh khó khăn, cô đã phải làm nhang, đèn cây, đậu hủ, bán để giúp chùa và duy trì sinh hoạt cá nhân. Thấy sự khổ sở của đồng bào, cô đã phát đại nguyện hành đạo bồ tát để cứu tế chúng sinh. Với đại nguyện và tinh thần vì người quên mình, nhiều nhân duyên bất khả tư nghĩ đã cảm ứng, để đến năm 1966, cô thành lập Từ Tế Công Đức Hội (Buddhist Compassion Relief Tzu Chi Foundation). Thế rồi trải qua hơn ba mươi năm cần khổ phục vụ, hội đã giúp không biết bao nhiêu người nghèo khổ bệnh tật và vì vậy hội đã trở thành một trong những tổ chức từ thiện cung ứng nhu cầu về y tế, phục vụ, giáo dục, văn hóa tích cực nhất ở Đài Loan. Hiện tại Buddhist Compassion Relief Tzu Chi Foundation đã có chi nhánh tại Nam Phi, Á Căn Đình, Bỉ, Hoa Kỳ cũng như Nhật Bản, Thái Lan... Sư Cô được trao tặng Ramon Magsaysay Award năm 1991 và cũng đã được đề nghị lãnh giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1993. Những lời khuyên sau đây là lời cô bản thân kinh nghiệm, nói lại cho chúng ta để đối diện với hoàn cảnh thực tế mỗi ngày.

- Lời dối trá thì như một đóa hoa tươi đẹp, bên ngoài tuy xinh xắn nhưng sinh mệnh thì ngắn ngủi.
- Một vị thiền sư nọ, kết lều tranh một mình khổ tu trong thâm sơn hoang dã. Ngày ngày thanh tịnh đạm bạc tu hành. Bữa nọ một tên trộm tới lều ngài, ngó trước dòm sau rồi nhẹ đẩy cửa tiến vào. Ngài vẫn ngồi yên tham thiền bất động ở phòng trong. Tên trộm rón rén tìm nơi này lục lạo nơi kia, song chẳng thấy gì đáng giá để trộm. Hấn đành lác đầu, dợm bước, xô cửa đi ra. Lúc ấy thiền sư từ phòng trong, chột thốt rằng: "Bạn ơi!

Xin bạn vui lòng đóng cửa dùm, khi bạn đi nhé!" Tên trộm ngoái đầu, vô cùng bức dọc, chửi rằng: "Trong nhà chẳng có đồ gì đáng để ta lấy, vậy mà còn bắt ta đóng cửa dùm!" Thiền sư chỉ thờ dài mà nói rằng: "Đáng tiếc, đáng tiếc! Ánh trăng long lanh đẹp thế này, nhưng bạn không thể lấy trộm nó đặng!"

- Người trí huệ thì vui với thiên nhiên non nước. Người chẳng có trí huệ thì thường bỏ gốc theo ngọn, truy cầu theo những việc hư huyền (giả dối, dường như thật có).
- Một bà cụ 74 tuổi hàng ngày sáng sớm tinh sương là ra đường quét tước, dọn sạch nơi công cộng. Ai thấy bà, họ cũng vui vẻ thích thú. Bữa nọ mấy chú thanh niên lân la hỏi bà năm nay bao nhiêu tuổi. Bà đáp rằng chỉ mới bốn tuổi. Nghĩ rằng nghe lầm, họ hỏi lại, song bà vẫn đáp rằng bốn tuổi. Họ hỏi: "Cụ nay tuổi bảy bốn hay là tám bốn?" Bà đáp rằng: "Nói về tuổi tác thì tôi bảy bốn. Nói về làm người thì tôi chỉ mới bốn tuổi. Đó là bởi: "Bảy mươi năm đầu tôi sống trong mê mờ, chẳng biết đạo lý. Từ khi hiểu đạo, tới nay chỉ mới bốn năm, tôi mới cảm nhận sâu xa đạo lý chân chính làm người, biết rằng mình phải phục vụ nhân quần, lợi ích chúng sinh. Do đó tôi mới nói rằng mình chỉ mới bốn tuổi." Ngày nào mình biết thể hội đạo lý làm người, phục vụ nhân quần, thì ngày đó mới chính là ngày sinh nhật của mình.
- Nhẫn chịu đau khổ, thì khổ hết vui sướng tới. Hưởng thụ phước báo, thì phước hết bi thương tìm.

- Có một cô tới chùa nói với tôi rằng: "Thưa sư cô, hễ con tới chùa tu hành là chồng con phản đối, khiến con vạ phần khổ sở." Tôi nói với cô rằng: "Nếu cô cứ ngày ngày bận rộn chuyện chùa, hết lạy Phật, nghe kinh; bỏ bê chẳng lo lắng việc nhà cho vẹn tròn, thì sao chẳng khiến chồng cô bức dọc, không vui. Chẳng làm tròn trách nhiệm với gia đình trước, lại bỏ đi lo giúp đỡ việc ngoài, hay người ngoài thì tức là trước sau đảo lộn, chẳng hợp tình lý. Vì thiếu trí huệ, giúp bên ngoài trước khi tròn bổn phận bên trong, nên chồng cô mới phản đối. Bây giờ cô hãy về nhà, sửa đổi tánh tình, đối xử ôn hoà nhu thuận với chồng cô. Đàn bà đẹp là ở tánh tình ôn nhu, thành công cũng do ôn nhu hiền lành, làm tròn bổn phận người vợ người mẹ." Minh chớ nên yêu cầu người khác cho (làm theo) mình điều gì, phải nghĩ mình phải làm gì giúp người khác.
- Một nơi nọ, có anh nọ chuyên môn bẫy chim để bán. Khi chim mắc bẫy, bị thọt cổ, chúng thường vùng vẫy cố tìm lối thoát. Nếu có ai muốn ăn chim, thì anh liền bắt chim ra khỏi lồng, cạo lông, cắt cổ, nấu ngay tại chỗ để khách thưởng thức. Thật là bất nhân lắm thay. Thường nếu đi ngang qua chỗ ấy, tôi nhất định sẽ mua hết mấy chú chim đó. Lúc đầu anh ta bán bảy đồng một con, sau anh ta tăng giá thành 15 đồng một con, nhưng tôi cũng mua hết chẳng để sót con chim nào. Chờ khi xe chạy rồi thì tôi thả hết mấy chú chim đó đi. Cứ như vậy, hễ có đủ năng lực là có bao nhiêu chim tôi cũng mua hết để phóng sinh. Có người thấy nhiều động vật khác bị bắt, thì hỏi rằng: Thưa sư cô! Chúng con có thể mua những động vật ấy về phóng sinh chứ? Tôi đáp rằng: Đương nhiên! Song, khi mua, các con phải mua hết, không được chừa một con nào cả. Đồng thời phải xem, những thứ mình mua về phóng sinh, chúng có đủ sức sống hay không. Đó mới là điều quan trọng nhất.
- Hiện tại có nhiều người hiểu rằng phóng sinh là việc tạo công đức lớn lao, do đó cứ mồng một và rằm là họ phóng sinh. Họ nói với những người bán cá rằng, vào rằm và mồng một, hãy đem cá tới bán cho tụi tôi làm lễ phóng sinh. Người bán cá mỗi ngày chỉ bán 50 cân cá, song vì có người đặt cá như vậy, nên họ bắt thêm 50 cân cá nữa để bán! Khi cá ra khỏi nước thì chúng đau đớn vô cùng. Dù biết rằng mình sẽ đem cá phóng sinh, song bạn có biết khi cá ra khỏi nước trong khoảnh khắc thôi, chúng đã đau khổ đến dường nào. Chỉ cần nhìn cá vùng vẫy là ta đã biết chúng khổ, hà huống sau khi bị câu lên, chúng lại bị đưa đi chỗ khác phóng sinh, thử hỏi mạng sống của chúng mỏng manh đến dường nào. Phóng sinh phải chẳng biến thành phóng tử. Cứ mỗi năm, khắp tỉnh không biết ta phải hao phí bao nhiêu tiền mua cá phóng sinh? Mỗi vị ngư phủ, không biết đã tạo bao nhiêu sát nghiệp? Nếu các bạn muốn phóng sinh, tuyệt đối không nên "đặt hàng", vì làm vậy là gieo nhân duyên, cơ hội khiến người buôn tạo nghiệp. Khi bạn thấy (động vật), sức của bạn có bao nhiêu thì giúp bấy nhiêu; (nếu đủ sức để mua hết các động vật), bạn nhất định phải mua hết để phóng sinh. Ngoài chuyện phóng sinh các động vật, chim cưa rùa cá... mình phải nghĩ tới những người bệnh khổ, đang vùng vẫy trong vòng sinh tử. Nếu bạn có thể giúp họ trị lành bệnh, hết thống khổ, sống vui vẻ, thì chẳng phải đây mới thật là phù hợp với ý nghĩa phóng sinh?
- Bảo vệ môi sinh (ecology) khiến cho không bị ô nhiễm, cần kiệm phước duyên thì mới thật là phóng sinh.
- Thời gian có thể dùng để tích lũy đạo nghiệp, thành tựu sự nghiệp, hoàn thành học nghiệp cũng như vun bồi công đức.
- Năm ngoái có anh thanh niên được đưa tới bệnh viện chữa bệnh vì anh bị đụng xe gãy xương sống, toàn thân chẳng thể động đậy gì được. Sau khi chẩn đoán các bác sĩ đều nói rằng họ không có cách gì khôi phục được công năng hoạt động của chân tay anh ta. Tuy vậy, các bác sĩ vẫn điều trị anh ta, các cô y tá và các người tình nguyện vẫn hết lòng chăm sóc cẩn thận, khuyến khích anh ta. Tôi cũng thường khích lệ tinh thần anh

ta. Anh có cô cháu gái cũng hết lòng chăm sóc anh hệt như mẹ của anh vậy. Trước sự quan tâm của những người xung quanh như vậy, anh ta cũng cảm chấp nhận sự thật. Tình thương và sự tận tâm tận lực giúp đỡ đã làm anh khôi phục lại nghị lực và đức tin. Dần dần hai tay của anh có thể nhúc nhích động đậy! Do vậy anh phát nguyện rằng: "Nếu tôi có thể ngồi được trên xe lăn, tôi nguyện sẽ đi giúp kẻ khác, tôi muốn làm một người tình nguyện nghĩa vụ thật vui vẻ."

- Trải qua một thời gian nỗ lực và phấn đấu, anh đã có thể ngồi được trên xe lăn. Bấy giờ anh dự tính sẽ tổ chức một hội nghị về tủy sống bị tổn thương. Bởi vì anh thể nghiệm sâu xa nỗi đau khổ trong tâm linh người bệnh, nhất là những người thanh niên trẻ tuổi. Anh hy vọng rằng những người tàn phế như anh tổ chức một đoàn thể để cổ vũ khuyến khích những người tàn phế khác, khiến họ cũng cảm đối diện với xã hội với nhân quần. Vậy thì những người tật nguyền sẽ sống một cuộc đời cũng như những người lành mạnh khác. Thế rồi chẳng bao lâu do hội Từ Tế giúp sức, anh đã thành lập hội ấy, với hơn một trăm hội viên. Anh ta vô cùng nhiệt thành, một tháng xuất bản một tờ nguyệt san gửi tới các hội viên.

- Tuy tay anh ta đã biến hình chẳng còn linh hoạt để viết lách như xưa, song anh chẳng vì thế mà bỏ phế công tác mình muốn làm. Anh đi hỏi nhờ những vị y sĩ, y tá ở khoa điều phục tìm cách giúp anh. Với tâm thương yêu và nhẫn nại, họ đã dạy cho anh dùng "tay giả" để đánh máy vi tính. Với tất cả nghị lực, anh đã dụng tâm học đánh chữ trên máy vi tính. Cứ chăm chăm từng chữ từng chữ đánh xuống. Vô cùng gian khổ mới hoàn thành được tờ báo. Khi tôi nhìn thấy báo, lòng tôi cảm động vô ngần, khâm phục thay cho sức nhẫn nại và nghị lực của anh. Do lòng nhiệt thành tha thiết của anh, đến nay hội viên càng ngày càng đông.

- Anh nhận thấy nhiều hội viên cả ngày chỉ nằm một chỗ, không thể trở mình, lại cũng chẳng ai chăm sóc chiếu cố. Do vậy

thân thể nằm yên lâu ngày sinh ghẻ lở. Anh liền phát nguyện sẽ tìm cách mua giường tự động chuyển thân người bệnh, để tặng những ai cần dùng nó. Đến cuối năm, anh đi bán xuân liễn, định mua một cái giường giá hơn sáu vạn (tiền Đài Loan). Nhưng kết quả, anh chỉ bán được hơn một vạn. Song anh vẫn không nản chí! Anh đi từ nhà này tới nhà khác để lạc quyền cho đủ tiền. Tiếc thay kết quả chẳng khả quan gì mấy. Việc này thật khiến cho chúng ta phải cảm thán. Vì sao những người thân thể lạnh lẽo thì lại lơ là chẳng làm những việc mà họ có khả năng làm, những việc mà họ cần phải làm?

- Lúc xã hội cần đến ta, mình phải mau mau hiến mình ra sức. Ngày nay mà mình còn bước đi được thì mình phải mau mau dẫn bước.

(còn tiếp)

Thông Báo của Chùa Berkeley:

Khóa Học Thiền Tĩnh Song Tu

(giảng bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

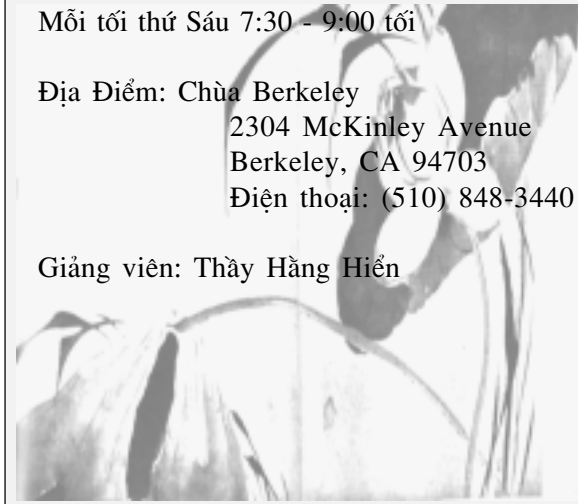
Hướng dẫn lý thuyết và thực tập
Thiền quán và Tĩnh độ

Thời biểu: Từ 6 tháng 3 đến 29 tháng 5 năm
1998

Mỗi tối thứ Sáu 7:30 - 9:00 tối

Địa Điểm: Chùa Berkeley
2304 McKinley Avenue
Berkeley, CA 94703
Điện thoại: (510) 848-3440

Giảng viên: Thầy Hằng Hiến





Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(Tiếp theo)

2. THIÊN HIỆN KHẢI THỈNH

Thời Trưởng Lão Tu Bồ Đề, tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Thế Tôn, Thiện nam tử thiện nữ nhân, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, ung vân hà trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm? Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Tu Bồ Đề! Như nữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Nữ kim đế thánh, đương vị nữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, ung như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm. Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn.

Bấy giờ, trưởng lão Tu-bồ-đề, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên mặt, đầu gối bên mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

Hiếm có thay Đức Thế-tôn! Đức Như-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát.

Bạch Đức Thế-tôn! Người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nên làm sao trụ, làm sao hàng phục được tâm?

Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay!

Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói, Như-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm.

Dạ! Bạch Thế-tôn! Con nguyện vui lòng lắng nghe.

Lược giải:

Bấy giờ, trưởng lão Tu-bồ-đề, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên mặt, đầu gối bên mặt quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

Sau khi Đức Phật thọ y bát, rửa chân, rồi lên tòa ngồi, thì có một vị trưởng lão đứng lên thưa hỏi.

" Trưởng lão" Danh xưng trưởng lão có thể một là chỉ các trưởng lão cao niên hay nhiều tuổi hạ, hai là trưởng lão về pháp tánh, ba là trưởng lão về phước đức. Nếu tuổi lớn, cộng thêm với nhiều tuổi hạ, tức là thọ giới đã lâu, thì gọi là trưởng lão. Nếu chỉ lớn tuổi mà tuổi hạ ít thì không được kể trong số này. Đại để như trường hợp Tôn-giả Ma-ha Ca-diếp, ông là người lớn tuổi nhất, thời gian thọ giới cũng lâu nhất,

nên gọi là trưởng lão.

Trưởng lão về *pháp tánh* thì không cần có niên cao hay tuổi hạ nhiều. Vị này có thể ít tuổi nhưng trí huệ vượt hẳn lên, có khả năng giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh, hiểu rõ Phật-pháp, thông đạt diệu nghĩa cũng như có biện tài vô ngại. Trưởng lão về *phước đức* thì có phước báo và cũng là người đủ đức hạnh.

Danh xưng trưởng lão là do mọi người cung kính mà xưng hô với mình, chứ không phải do mình muốn làm trưởng lão, hay tự ý phong mình như vậy, phải là do mọi người đồng lòng công nhận mà thành danh xưng, cũng không thể do mình muốn tranh đoạt mà được. Trưởng lão về *tuổi tác* hay nhiều năm hạ cũng chia thành thứ bậc. Như thọ giới 10 năm thì kêu là *hạ tọa*, 20 năm gọi là *trung tọa*, 30 năm gọi là *thượng tọa*.

Pháp tánh trưởng lão thì không kể về tuổi tác. Như Ngài Xá-lợi-phất mới có tám tuổi mà đã thành trưởng lão. Vì lý do gì vậy? Số là khi lên tám tuổi, Tôn-giả đã lên tòa thuyết pháp, khuất phục hàng loạt các luận sư, khiến họ lú lẫm, ấp úng không còn tranh cãi được điều gì, đành phải gieo cả năm vốc xuống đất, cam tâm đập đầu trước cậu bé lên tám, mà tuyên bố thua cuộc. Có như thế, Ngài Xá-lợi-phất mới được tôn là một pháp tánh trưởng lão ngay khi mới lên tám. Sanh ra mới được bảy ngày, Ngài Xá-lợi-phất đã thông đạt hết các kinh tạng. Chúng ta hãy tưởng tượng chỉ có bảy ngày mà thông suốt Phật-pháp, thì ngài đã đủ tư cách làm trưởng lão chưa? Thật là siêu việt có thừa, bởi vậy trong các số đệ tử hàng Thanh-văn của Phật, Ngài là bậc biện tài vô ngại, trí huệ hàng đầu.

Biện tài có bốn loại, gọi là "tứ vô ngại biện." Thứ nhất là vô ngại biện về *lời*, tức ngôn từ. Bất cứ ai có vấn đề gì, ngài đều biện giải được một cách trôi chảy. Lời lẽ mà ngài xử dụng nghe rất

hay, vừa tinh luyện lại vừa chính xác, dùng rất đúng chỗ. Đối phương lý luận cách nào, cũng không sao thắng nổi. Vô ngại biện thứ hai là về *nghĩa*. Không riêng ngôn từ mỹ lệ, nghĩa lý cũng vô cùng mạch lạc. Thứ ba là vô ngại biện về *pháp*. Lời ngài nói ra, chỗ nào cũng là đạo, lời nào cũng quy về gốc; tất cả đều là Phật-pháp, không có gì bề tặc trở ngại. Thứ tư là vô ngại biện về *vui thích thuyết pháp*. Là một loại *tam muội nhạo thuyết*, vui thích thuyết pháp cho mọi người, trừ phi người ta không muốn nghe, nếu muốn nghe, thì lời pháp sẽ như nước nguồn tuôn chảy, không lúc nào ngừng.

Vị trưởng lão được nói đến trong Pháp-hội Kim Cang này là Tôn-giả **Tu-bồ-đề**. Thứ bậc trưởng lão của Tôn-giả thuộc về tuổi tác và nhiều năm hạ. Ngoài ra ngài còn được coi là một pháp tánh trưởng lão, mà cũng là phước đức trưởng lão nữa, tức kiêm cả ba loại. Tu-bồ-đề có ba nghĩa là: *Thiện Cát*, *Thiện Hiện* và *Không Sinh*. Khi Tôn-giả ra đời, kho chứa của báu của gia đình hốt nhiên trống không. Người cha sợ lắm, mới bói một quẻ, nhưng quẻ đó lại vừa tốt, vừa lành, nên đặt tên Tôn-giả là "*Thiện Cát*." Bảy ngày sau, của báu lại hiện ra, nên đặt một tên nữa là "*Thiện Hiện*." Tại làm sao của báu lại biến thành không vậy? Nguyên do vì Tôn-giả Tu-bồ-đề đã tu pháp môn "quán không" từ nhiều kiếp trước. Ngài đã chứng đắc lý không, và trong hàng đệ tử của Phật, ngài là vị giải không đệ nhất. Có vậy nên khi sinh ra đời, trong nhà có tất cả 108 kho châu báu, tự nhiên biến thành trống không. Đó là ý nghĩa "*Không Sinh*" (sinh từ không) của danh hiệu Tôn-giả Tu-bồ-đề.

"**Ở trong đại chúng**" Tôn-giả Tu-bồ-đề từ

Bốn Biện tài:

1. Lời lẽ.
2. Nghĩa lý.
3. Pháp.
4. Vui thích nói pháp.

Ba loại

Trưởng lão:

1. Tuổi hạ.
2. Pháp tánh.
3. Phước đức.

Tu bồ đề

có 3 nghĩa:

1. Thiện Hiện.
2. Thiện Cát.
3. Không Sinh.

trong đại chúng của pháp hội bát-nhã, gồm có cả trăm ngàn vạn ức trời và người.

"Liên từ chỗ ngồi đứng dậy" Tôn-giả trông thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi ngay ngắn trong tư thế kiết-già, như như bất động mà luôn sáng suốt (như như bất động, liễu liễu thường minh), ông hiểu được ý nghĩa của sự biểu hiện này. Biểu hiện điều gì vậy? Chính là biểu hiện trí huệ bát nhã. Đức Phật thường ngày, trong mọi oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, đều biểu hiện diễn thuyết thực tướng bát nhã, quán chiếu bát nhã, và văn tự bát nhã, đủ các loại diệu pháp bát nhã. Pháp bát nhã màu nhiệm này, chỉ duy kẻ có trí huệ mới thâm nhập được. Ngài Tu-bồ-đề, vừa đủ trí huệ, vừa đủ phước đức, nên mới nhận ra và hiểu ý Phật muốn thuyết diệu pháp thực tướng bát nhã. Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy.

"Trịch vai áo bên mặt" Theo lễ nghi của người Ấn Độ, thì trịch vai áo bên tay phải là biểu thị sự tôn kính. Về điểm này, ta thấy áo của người xuất gia để lộ bên vai tay mặt, đó là kiểu áo mà xưa Phật đã chế ra. Tuy nhiên, tại Ấn Độ, Thái Lan, Miến Điện, và Tích Lan, áo cà-sa của người xuất gia đều có màu vàng đậm, không có khoen móc, hoàn toàn giữ đúng cách thức của thời Phật tại thế. Tại sao ở Trung Hoa, áo cà-sa lại có khoen móc? Chẳng qua đây là một sự canh cải linh động, có tính cách quyền biến, vì khí hậu ở Trung Hoa tương đối lạnh hơn, nên trong áo cà-sa còn có áo lót. Như áo cà-sa mà khoác ở ngoài áo lót thì ta khó có cảm giác áo đắp lên thân mình, áo có rớt xuống ta cũng không hay. Cũng vì lẽ này, các thầy đã thông minh nghĩ ra cái khoen để móc, giữ cho áo không bị tuột ra; nên vừa giữ được cách thức do Phật chế, vừa thích ứng với hoàn cảnh. Đó là nguồn gốc của cái khoen trên áo cà-sa của người Hoa.

"Đầu gối bên mặt quỳ xuống đất, chấp tay cung kính bạch Phật" Trịch vai áo bên mặt, đầu gối bên mặt quỳ xuống đất, có nghĩa là *thân*

nghiệp thanh tịnh, chấp tay cung kính là *ý nghiệp thanh tịnh*, bạch Phật là *khẩu nghiệp thanh tịnh*. Các điều này biểu thị ba nghiệp thanh tịnh. Lấy thân, tâm, khẩu, cả ba thanh tịnh mà thỉnh Phật thuyết pháp.

Hiếm có thay Đức Thế-tôn! Đức Nhu-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát.

"Hiếm có thay Đức Thế-tôn!" là nghĩa thế nào? Nghĩa là Phật rất hiếm có.

Phật Thích Ca đương ngồi trên pháp tòa, một lời cũng chẳng thốt ra. Trưởng lão Tu-bồ-đề sao mà lảm chuyện vậy? Gió chẳng động mà sóng lại dậy lên, đương vô sự mà sự lại sanh, có đâu lại đội thêm đầu, có tướng lại thêm tướng, như vậy chẳng phải là đương yên ổn mà tự nhiên kiếm chuyện cho rắc rối hay sao? Phật Thích Ca không nói gì, sao trưởng giả lại nói là **"hiếm có."** Thản như đức Thích Ca, có nói gì, hoặc có biểu hiện gì, thì câu **"Đức Thế-tôn hiếm có"** có thể chấp nhận được. Đàng này Phật không làm gì, Ngài chỉ bày tọa cụ để ngồi xuống mà lại nói **"hiếm có!"** Các vị nên chú ý nhìn nhận cho thật kỹ: tại chỗ này, *toàn bộ ý nghĩa Kinh Kim Cang* nằm tại chỗ này đây!

Thích Ca Mâu Ni Phật *"trải tọa cụ ra, ngồi xuống (phu tòa nhi tọa)"* là đã thuyết pháp rồi đó, cho nên ông Tu-bồ-đề mới nói: **"Đức Thế-tôn hiếm có! Đức Nhu-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát."** Phật thuyết bát-nhã chính là để hộ niệm các Bồ tát, chính là vì phó chúc các Bồ tát. Ngài lìa các tướng ngôn ngữ, các tướng văn tự, các tướng tâm duyên, ly mọi tướng để tuyên thuyết cái thực tướng bát-nhã. Chỉ người nào chứng được quả thánh mới hiểu nổi thực tướng bát nhã, còn như phàm phu thì không vào được, không hội được pháp màu bát nhã này. Tôn-giả Tu-bồ-đề mới nghĩ ra biện pháp để Đức Phật dùng phương tiện khéo léo, lấy văn tự bát nhã diễn pháp lại

một lần nữa, do đó ông mới thị hiện quyền biến *chúng sinh thỉnh pháp*, và từ trong đại chúng đứng lên, trích vai bên mặt, chấp tay cung kính bạch Phật, nói rằng Đức Thế-tôn thật là hiếm có, các pháp mà Ngài nói thật là khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát, các pháp này thực là mâu nhiệm vô cùng!

Bạch Thế-tôn! Người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề, nên làm sao trụ, làm sao hàng phục được tâm?

Trưởng lão Tu-bồ-đề, vì chúng sanh mà thỉnh pháp, Ngài bạch Phật rằng: "***Bạch Thế-tôn!*** Ngài đã giảng thực tướng bát-nhã xong, nhưng một số chúng sanh vẫn chưa hiểu rõ, vậy xin Ngài hãy vì các chúng sanh đời mạt pháp sau mà giảng thuyết lại. Như quả có người thiện nam, có người thiện nữ, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề . . ."

"***Phát tâm A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề***" là tiếng Phạn (Anuttara-Samya-Sambohi), nghĩa là *phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác*. Tại sao trong bản kinh Hán-tạng không phiên dịch chữ này? Vì nó là một danh từ chỉ quả vị Phật, nên tôn kính mà không dịch, giữ nguyên âm Phạn.

A-nậu-đa-la là vô thượng, ***tam-miêu*** là chánh đẳng, ***tam-bồ-đề*** là chánh giác.

Là *chánh giác* thì khác với phàm phu; Phật đã giác ngộ chân chánh nên không giống kẻ phàm phu là những người không giác ngộ. Là *chánh đẳng* thì khác với kẻ nhị thừa, vì nhị thừa chỉ là chánh giác mà không phải chánh đẳng. Gọi là giác ngộ *chánh đẳng chánh giác* tức là sự giác ngộ này "chân chánh ngang bằng" với sự giác ngộ của Phật (đẳng là ngang hàng). *Vô thượng* tức là có sự khác biệt với hàng Bồ-tát, vì Bồ-tát chỉ được chánh đẳng mà chưa đạt tới hàng vô thượng. Bồ tát còn được gọi là "Hữu Thượng

Sĩ," Phật mới có hiệu là "Vô Thượng Sĩ," tức là không có thứ bậc nào ở trên Phật, Phật là quả vị tốt cùng.

Tôn-giả Tu-bồ-đề thưa với Phật rằng: "Như có người muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì họ phải làm sao để *an trụ chân tâm? Phải làm sao để hàng phục tâm vọng tưởng, tâm phan duyên, tâm phóng túng, tâm hư vọng, tâm cống cao ngã mạn, tâm tham, tâm sân, tâm si?*"

"***Hàng phục được tâm,***" ý muốn nói ở đây là *những loại tâm không hay*. Vậy hàng phục cách nào? Như chúng ta nói hàng phục quân địch trong cuộc giao tranh của hai bên địch quân, hàng phục chính là chiến thắng đối phương vậy.

Con người ta làm thế nào để chế phục được tham, sân, si? Phải vun trồng *giới, định, huệ*. Có mặt của giới, định, huệ thì không có mặt của tham, sân, si. Tham, sân, si tức là giới, định, huệ; giới, định, huệ tức là tham, sân, si, chỉ xem mình có biết dùng hay không. Cũng là một số tiền, ta có thể dùng nó mua thuốc phiện về hút, mà cũng có thể dùng nó giúp đỡ kẻ khác qua được cơn khốn cùng. Tùy cách thức ta dùng tiền đó. Đó cũng là ý nghĩa của tham, sân, si là giới, định, huệ. Biết cách dùng thì có giới, định, huệ; không biết cách dùng thì có tham, sân, si. Đối với người ngu si thì giới, định, huệ sẽ biến thành tham, sân, si. Nước với băng cũng vậy, nước chẳng khác băng, băng chẳng khác nước, nước tức là băng, băng tức là nước. Cùng một nghĩa lý này, ta thấy *phiền não tức bồ-đề, bồ-đề tức phiền não*, phiền não và bồ-đề chẳng phải là hai thứ. Nếu không biết cách dùng thì phiền não là phiền não; ngược lại, nếu biết, thì phiền não sẽ trở thành bồ-đề.

Lời nói là pháp, thực hành là *đạo*. Nói cho tốt, nói cho hay, mà chẳng thực hành thì chẳng phải là đạo. Siêng năng tu giới, định, huệ, sẽ diệt tham, sân, si, như vậy chính là hàng phục tâm. Nếu chúng ta *hàng phục được vọng tâm,*

thì chân tâm sẽ thường trụ, cho nên có câu "thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể."

Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói, Như-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm.

Đạ! Thế-tôn. Con nguyện vui lòng lắng nghe.

Đức Phật Thích Ca thấy ông Tu-bồ-đề vì chúng sanh mà thỉnh pháp, Ngài hoan hỷ nên mới khen rằng: "Ông Tu-bồ-đề, ông thực là tốt." Kế đó Phật nói: "Đúng lắm! Như-lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát, nên mới nói pháp bát-nhã. Bây giờ, ông phải hết sức chú ý, ta nay giảng diệu pháp bát nhã cho ông, nhưng ông không được nghe như gió thoảng qua tai, mà phải đặc biệt chú tâm, nếu để phớt qua thì thật uổng phí công sức của Như-lai."

"Người thiện nam, người thiện nữ, phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm." Câu này nghĩa là nên theo như thế này mà an trụ chân tâm, như thế này mà hàng phục vọng tâm.

Trong Kinh Kim Cang, tới đoạn nào khẩn yếu, ta cũng thấy mấy chữ như thế (như thị). Đức Phật có một cách biểu thị, mà không diễn tả ra bằng văn tự. "Như thế," tức không có giảng gì hết, đó là chỗ "hết đường ngôn ngữ, diệt mọi tâm ý," cho nên có câu:

"Khẩu dục ngôn nhi từ táng,
Tâm dục duyên nhi lự vong."

Nghĩa là:

Miệng muốn nói mà lời tan biến,
Tâm muốn duyên mà ý chẳng còn.

"Như thế!" tức là chỗ không có lời giảng, nghĩa là bảo chúng ta hãy ngồi xuống tham thiền đi! Nếu chúng ta có thể tham thiền, có thể dụng công thiền quán, thì chân tâm an trụ tại địa điểm này, vọng tâm tự nhiên bị hàng phục, do đó mới nói "như thế." Nếu người ta cứ như vậy mà tu, thì thường an trụ được chân tâm, tới được bốn lai Phật tánh, tánh tịnh minh thể và hàng phục được tâm.

Trưởng lão Tu-bồ-đề, khi trông thấy như vậy . . . mà như vậy là cái gì đó? Chẳng có cái gì cả. Vô tướng bát-nhã thì không có hình tướng gì hết. Lúc đó Ngài Tu-bồ-đề đã hiểu minh bạch, và cũng muốn cho chúng sanh đời sau được hiểu thấu nên ông đáp ứng: "Đạ!"

Nói tới đoạn này, chúng ta liên tưởng tới một lần nọ, đức Khổng-tử nói với Tăng-tử, có sự hiện diện của một số đệ tử.

Đức Khổng-tử nói rằng: "Đạo của ta là chỉ có một chân lý xuyên suốt." Thầy Tăng-tử mới đáp: "Đạ!" Khi đức Khổng đi rồi, các môn đồ không hiểu thầy Tăng-tử đáp "đạ" là ý nghĩa gì. Tăng-tử thì hiểu, nhưng các đệ tử khác không hiểu, mới hỏi: "Câu thầy vừa nói đó có nghĩa gì? Làm sao mà chúng tôi chẳng hiểu gì hết?" Tăng-tử đáp: "Đạo của Phu-tử chỉ là trung thứ mà thôi."

Trung, nghĩa là hết lòng mình (tận kỹ); thứ, nghĩa là xả mình (thôi kỹ). Trung thứ tức là hết lòng vì người, hoàn toàn xả thân vì người.

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch Phật: "Thế-tôn! Con nguyện vui lòng lắng nghe," lời thuyết pháp của Phật.

(còn tiếp)



Nhân Mùa Phật Đản

Ý NGHĨA LỄ TẮM PHẬT

Nguồn gốc của lễ tắm Phật bắt nguồn từ sự tích đức Phật đản sinh, Tương truyền khi Phật giáng sinh, có chín vị rồng tới phun nước tắm rửa cho Ngài. Cùng với nước là hương hoa do các vị trời rơi xuống làm thanh tịnh thân Phật. Về sau Ấn Độ, các tự viện thường hay để tượng một vị Phật sơ sinh, mỗi ngày tín đồ có thể tới viếng chùa và lấy nước rưới lên mình Phật như là một hành động tẩy trừ sự ô nhiễm nơi thân Phật, cũng như thân mình. Về sau không rõ đích xác nguyên do gì truyền thống này lần lần cải biến. Ở Trung Hoa, vào đời Đường, đời Tống, tắm Phật là một pháp hội rất long trọng, mỗi năm được tổ chức một lần vào ngày Phật đản sinh. Nhất là ở Nhật Bản, vào khoảng năm 840, niên hiệu Thừa Hòa thứ bảy trở về sau, mỗi năm nhằm vào ngày tám tháng tư lễ tắm Phật được cử hành vô cùng trang nghiêm trong hoàng cung. Vì vậy, ở Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam, lễ Phật đản là một ngày vô cùng quan trọng được gọi là Phật Sinh Hội, Dục Phật Hội, Quán Phật Hội, đều là chỉ vào nghi thức tắm Phật cử hành trong ngày ấy. Lý do nghi thức tắm Phật được tín đồ Phật giáo tôn trọng và cung kính thực hành hàng năm vì nó là một phương pháp rất hay để người tu phản tỉnh. Phương pháp tắm Phật thì rất giản dị: bạn lên trước tượng vị Phật sơ sinh đặt giữa một bồn nước, thông thường là nước pha trộn bởi các vị hương thơm như nước thơm chiên đàn hương bạch đàn hương, uất đàn hương, long não, xạ hương, tử chiên đàn, đinh hương, v.v... Bạn quỳ xuống đánh lễ ba lạy để bày tỏ lòng thành kính và khiêm cung đối với vị Phật sơ sinh. Bạn cũng có thể cúng dường hương hoa, phẩm vật, để bày tỏ lòng kính mộ của mình. Xong bạn

dùng một cái muỗng múc nước hương thơm, từ từ rưới lên thân mình Phật ba lần. Mỗi khi tắm Phật như vậy, bạn cần quán tưởng rằng thân Phật cũng ví như là thân tâm của mình vậy. Ba muỗng nước rưới lên thân Phật, sẽ gội rửa ba nghiệp ác do thân, miệng và ý của mình tạo ra. Nếu nước hương thơm là thứ dùng để tắm thân Phật, thì Phật pháp là thứ mà bạn phải dùng để tẩy rửa cấu bẩn của hành động, suy nghĩ và lời nói. Nhưng điều tuyệt diệu là vị Phật sơ sinh trước kia được tắm, vốn là một em bé thanh tịnh vô nhiễm; sau khi tắm xong, bụi trần gội sạch, em bé đó trở về lại với sự vô nhiễm thanh tịnh sẵn có. Cũng vậy, hành động, lời nói và suy nghĩ của kẻ phàm chúng ta trải qua bao kiếp, tích tập vô số thói hư tật xấu, tà kiến ác hạnh, ngu si chấp trước, khiến ta ở trong vòng mê mờ vẫn đục; song bản tánh xưa nay của chúng ta chưa hề bị ô nhiễm, hết như vị Phật sơ sinh thanh tịnh vô cấu. Nếu dùng Phật Pháp như nước tẩy, tắm gội tam nghiệp, tức là nếu ta sửa đổi thói hư tật xấu, xả trừ chấp trước, minh tâm kiến tánh, thì ta sẽ khôi phục lại được thể tánh thanh tịnh sẵn có xưa nay. Bởi vậy điều then chốt trong lễ tắm Phật là ta phải hết sức thành tâm, tụ thần chú ý, tâm niệm sáng suốt, thì nghi thức tắm Phật sẽ là một phương tiện xảo thù thắng để ta tiêu trừ nghiệp chướng chấp trước. Để giúp cho sự tập trung chuyên nhất của thân khẩu ý, đồng thời biến sự tắm Phật thành sự tẩy trừ nghiệp chướng, chư Tổ khi xưa đã khuyên dạy ta đọc câu chú sau đây: **Án, đi sa đi sa, xăng che, sô pô hô.** Với câu chú này, nếu ta thành tâm tụng niệm sẽ làm tâm ta không khởi vọng tưởng, dẹp trừ phiền não, và do đó tự nhiên an tịnh siêu nhiên.***

Bồ Đề Hải

Thông Báo

Vạn Phật Thánh Thành (Thất và Pháp Hội năm 1998)

Quán Âm Thất:

Mỗi năm Vạn Phật Thành đều tổ chức ba lần Quán Âm Thất. Mỗi thất kéo dài bảy ngày, chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

2) Tháng 8: từ ngày 9 đến 15

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 9/8.

3) Tháng 11: từ ngày 1 đến ngày 7

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 1/11.

Địa Tạng Thất:

Từ ngày 13 - 19 tháng 9, chuyên tụng kinh Địa Tạng và trì niệm hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ Vu Lan sẽ tổ chức vào thứ bảy ngày 5 tháng 9 nhằm đúng ngày rằm tháng 7.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 27 tháng 12 năm 1998 đến chủ nhật ngày 3 tháng 1 năm 1999, chuyên trì niệm hồng danh đức A Di Đà Phật.

Lễ vía Đức Di Đà cử hành vào chủ nhật ngày 3/1/1999.

Thiên Thất:

Thiên thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 4 đến ngày 26 tháng 1 năm 1999.

Những khóa tu hay thất trên là cơ hội rất tốt để quý Phật tử chuyên tâm dụng công, là môi trường rất tốt để cho công phu được miên mật. Xin liên lạc Vạn Phật Thành (707) 462-0939 để biết thêm chi tiết.

Hoa Nghiêm Pháp Hội

Cũng như hai năm trước, vào dịp lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng, Vạn Phật Thành đều tổ chức Pháp Hội Hoa Nghiêm, trong suốt 21 ngày chuyên

trì tụng kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 31 tháng 5 đến ngày 20 tháng 6. Pháp Hội trì tụng kinh Hoa Nghiêm bằng tiếng Việt cử hành tại Vãng Sanh Đường, tiếng Hoa tại Vạn Phật Điện và tiếng Anh tại Diên Sanh Đường.

Lễ đại tường của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào ngày đầu tiên của Pháp Hội tức là vào chủ nhật ngày 31 tháng 5.

Tu Viện Long Beach

Lớp Phật pháp chuyên đề: Hiện tại lớp đang học tới phẩm thứ mười một của **Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh**, (bằng Việt ngữ) vào mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 9 giờ 30.

Lớp Thảo Luận: Về Phật pháp sơ cấp bằng Anh Ngữ, mỗi thứ Tư.

Buddhist Studies (in English):
Introduction to Buddhism, every Wednesday night, from 7:00-9:00PM.

Lớp Nghiên Cứu: Tiếp tục tìm hiểu về Thọ Ám Ma trong Ngũ Thập Ám Ma của Kinh Lăng Nghiêm. Giảng bằng tiếng Anh và Hoa, mỗi thứ bảy từ 7 tới 9 giờ tối.

Meditation Class: Every Sunday from 8:30 to 10 AM. (Instructions are given in English)
Các bạn đã biết tịnh tọa có thể tham gia ngồi từ 8 đến 11 giờ sáng chủ nhật.

Lương Hoàng Sâm: Vào dịp lễ Đại Tường của Cố Lão Hòa Thượng, Tu Viện Long Beach sẽ tổ chức 9 ngày lay Lương Hoàng Sâm từ thứ bảy ngày 12 đến ngày 21 tháng 6. **Mỗi giờ sau khi lay có giảng luận về Sâm văn. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về Tu Viện (562) 438-8902.**

Tu Viện Long Beach sẽ tổ chức xe bus về Vạn Phật Thành dự **Lễ Đại Tường của Cố Lão Hòa Thượng**. Xe sẽ khởi hành vào lúc 7 giờ sáng thứ bảy ngày 30 tháng 5 và về lại Long Beach vào khoảng 11 giờ ngày Chủ nhật 31 tháng 5. Nếu quý tử muốn biết thêm chi tiết hay ghi danh, xin gọi bác Tâm Ngân (626) 286-7194, bác Vương Cung (213) 620-0432.

Bồ Đề Hải Online:

<http://www.saigon.com/~fopusa/>



Hàng Châu, Tây Hồ có một cục đá tên là *tam sinh thạch*. Cục đá ấy có sự tích như sau: Vào đời Đường, triều vua Huyền Tông, lúc ấy có loạn An Lộc Sơn hưng binh tác quái phá hoại đông đô là Lạc Dương. Vị thủ tướng của thành là quan lễ bộ thượng thư, tên Lý Đãng, vì không hàng giặc nên bị giết chết. Các người con của Lý Đãng đều theo cha nên bị hại cả, chỉ có người con tên Lý Bằng vì nhậm chức ở Hàm Ninh nên không bị nạn. Một người con khác là Lý Nguyên, mới lên tám tuổi, đã tự đào thoát, rồi phiêu bạt, làm tôi tớ cho người, lưu lạc trong nhân gian.

Bảy tám năm sau, có người quen biết với gia đình Lý Đãng nhận diện ra được Lý Nguyên nên đem chàng về giao lại cho quyến thuộc. Bấy giờ căn nhà cũ của Lý Đãng đã bị sung công làm chùa, tên là Huệ Lâm Tự.

Ngày tháng thẩm thoát thoi đưa, mấy năm sau, triều đại lại đổi vua. Bấy giờ vua Đường Đại Tông nghe được Lý Nguyên là hậu duệ của trung thần Lý Đãng nên hạ chiếu phong Lý Nguyên làm Tham Quân ở phủ Hà Nam, sau đó tấn phong làm Ty Nông Chủ Bạc. Nhưng Lý Nguyên trong lòng đau buồn chuyện cha bị giặc giết nên chẳng còn hứng thú gì làm quan. Chàng phát thệ rằng trọn đời sẽ không làm quan, không cưới vợ, không ăn thịt uống rượu, để tận lòng hiếu thảo. Vì vậy chàng khước từ quan vị, quyết định trở về quê cũ, thăm nhà là ngôi chùa Huệ Lâm.

Trải qua mấy tuần hết đi ngựa lại ngồi thuyền, chàng mới về tới được quê nhà. Đứng trước cửa, nhìn cảnh củ, đã trải qua bao đổi thay, lòng chàng bồi hồi. Ngẫm nghĩ đắn đo, chàng thấy nhà mình đã biến thành chùa cũng

là điều tốt, vì là cúng dường Tam bảo, còn hơn là rơi vào tay kẻ ích kỷ tự lợi. Chàng bước tới, run tay gõ cửa.

Vị sư trụ trì là thiền sư Viên Trạch ra mở cửa. Thiền sư cũng còn niên thiếu, hai người gặp nhau, chỉ bao phút hàn huyên, đã cảm thông như bạn cũ. Sư Viên Trạch dẫn Lý Nguyên lên điện lễ Phật xong, lại đưa chàng tới phòng của Lý Đãng xưa kia trú ngụ. Thầy nói rằng: Tiên sư của tôi có dạy rằng cư sĩ Lý Đãng là bậc trung thần nhân nghĩa, mười mấy năm trước gia tộc họ Lý quyết định đem nhà sung công này ra cúng dường Tam Bảo, là việc hết sức phước đức. Bởi vậy chùa giữ lại phòng của cư sĩ để làm kỷ niệm. Khi Lý Nguyên thấy phòng của phụ thân chàng vô cùng cảm động, bậc khóc cho người đã khuất bóng.

Thế rồi Lý Nguyên quyết định ở lại chùa, ngày ngày lễ Phật, tu tập tham thiền, ăn ngày một bữa, theo học khuôn khổ người xuất gia. Mỗi ngày chàng lại để giờ tới trước phòng cha mình, quỳ xuống lễ lạy, tỏ tình hiếu thảo.

Thời gian thẩm thoát, lại mấy mươi năm qua đi. Bấy giờ Viên Trạch và Lý Nguyên cũng đã ngoài sáu mươi. Một hôm, Lý Nguyên nói với sư rằng: "Trạch công! Tôi nghe nói Đức Phổ Hiền Bồ Tát ở núi Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên rất linh cảm thù thắng. Hiện tại chúng ta còn có sức lực tôi muốn cùng ngài triều bái thắng cảnh, ý ngài ra sao?"

Ngài Viên Trạch trả lời: "Tôi đã nghe qua đạo tràng ở Nga Mi. Nhưng trăm nghe không bằng một thấy."

Lý Nguyên nói: "Chúng ta có thể ngồi thuyền xuống Kinh Châu, Hồ Bắc, luôn tiện xem cảnh

non nước."

Thiền sư trầm ngâm, lộ vẻ khó xử: "Tôi nghĩ mình nên dùng đường bộ tới Trường An, ngắn hơn đi đường thủy."

Lý Nguyên phản đối: "Không xong! Trường An tôi có rất nhiều kẻ quen biết. Vì tôi không muốn làm quan, nên nếu đi ngang đó e sẽ gặp rất nhiều kẻ quen, chỉ thêm phiền hà." Thế rồi hai người ý kiến bất đồng không giải quyết được, nên mãi sáu tháng sau mới quyết định sẽ đi đường thủy.

Vào ngày lên đường, Thiền sư gọi chú thị giả Liễu Tịnh vào phòng, giao cho một bức thư, nói rằng: "Đây là bức thư thầy viết cho Lý cư sĩ. Khi Lý cư sĩ về lại chùa, con hãy trao tận tay bức thư này giùm ta." Liễu Tịnh vô cùng ngạc nhiên không biết thầy mình vì sao không lập tức trao thư, phải nhờ mình đợi Lý Nguyên trở về mới giao. Song không dám trái lời, Liễu Tịnh chỉ biết cất thư, chờ đợi.

Thế rồi hai người lên đường, ngày đi đêm nghỉ, hết cỡi ngựa lại sang thuyền. Cứ thế tiêu dao tự tại, hân thưởng sơn thanh thủy tú, thật vô cùng khoái lạc. Bữa chiều nọ khi con thuyền ngang qua huyện Nam Phủ để trọ đêm, họ chợt thấy một phụ nhân từ ngôi nhà ven sông bước ra, men tới bờ sông để múc nước. Vừa nhìn thấy thiếu phụ, bước đi chậm chạp vì đang hoài thai, thiền sư Viên Trạch đã lộ vẻ bàng hoàng, loạng choạng thối lùi, tay vịn vách thuyền để khỏi té ngã.

Lý Nguyên vội hỏi: "Trạch công! Ngài thân thể có gì bất an chăng?"

Thiền sư chỉ thở dài: "Tôi...tôi... Chẳng phải tôi thân thể bất an, mà là... mà là..." Nói đến đây, thiền sư từ từ ngồi xuống. Ngài trầm ngâm giây lát, mới thở dài, nói tiếp: "Hà! Chỉ nghĩ tới lúc chúng ta phải vĩnh biệt, lòng tôi thật đau buồn."

Lý Nguyên hỏi: "Trạch công! Sao ngài lại nói lời bất tường như vậy!"

Thiền sư lắc đầu mà nói rằng: "Lý cư sĩ! Ngài có thấy vị thiếu phụ kia chăng? Nguyên lai là tôi phải đi đâu thai làm con bà thiếu phụ kia đó..."

Lý Nguyên thảng thốt: "A! Ngài nói thật

sao?"

Thiền sư gật đầu, tiếp rằng: "Đúng vậy! Nhưng vì tôi không muốn đi đâu thai quá sớm nên thiếu phụ ấy hoài thai đã lâu mà vẫn chưa thể sinh con. Trước kia tôi tính không đi đường thủy, chỉ vì muốn tránh mặt bà ấy. Ngờ đâu nhân duyên, nghiệp quả thật không thể tránh né được. Bây giờ, đã gặp mặt, thấy bà ấy vất vả với bào thai như vậy, tôi làm sao có thể ích kỷ chỉ nghĩ đến mình, rồi ý vào năng lực thiền định để cưỡng lại nghiệp lực?"

Lý Nguyên bật khóc: "Phải chi, thầy sớm nói rõ, chúng ta sẽ không đi đường thủy, và sẽ không gặp bà này, và..."

Thiền sư an ủi: "Thật chẳng ai có thể đổi thay định nghiệp! Dầu tôi muốn tránh cũng không được. Bây giờ anh hãy giúp tôi lo liệu chuyện hậu sự vậy. Sau ba ngày nữa anh hãy tới nhà thiếu phụ ấy thăm tôi. Khi gặp anh tôi sẽ mỉm cười để chứng minh. Sau đó mười ba năm, vào đêm trung thu anh hãy tới phía sau chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu để gặp tôi."

Lý Nguyên chỉ đành gạt lệ, chẳng biết nói sao cho phải.

Đêm ấy, thiền sư tắm rửa sạch sẽ, mặc y áo chỉnh tề, chính thân đoan tọa, cáo biệt Lý Nguyên rồi an nhiên nhắm mắt, nhập định tịch. Sáng lại Lý Nguyên cho người đi lo liệu hậu sự, đồng thời thông tin cho đệ tử, tín đồ. Đến ngày thứ ba thì Lý Nguyên mới một mình đi tìm tới nhà thiếu phụ nọ. Khi tới nơi, Lý Nguyên được người nhà cho biết là bà ta đã sinh vào hai đêm trước rồi. Song có điều lạ, họ nói rằng, cháu bé sinh ra đã hơn hai ngày nay, khóc lóc không ngừng. Lý Nguyên mới đánh bạo nói rằng: "Tôi có phương pháp làm cho em ngừng khóc và mỉm cười, bà có thể cho tôi thăm em chăng?" Người nhà bèn dẫn Lý Nguyên vào. Khi em bé được mẹ bồng vào, em khóc lóc om sòm. Lý Nguyên hỏi em: "Trạch Công, phải chăng là ngài? Nếu là Trạch công, ngài hãy mỉm cười cho tôi biết." Chú bé dường như hiểu ý, lập tức mỉm cười, ngoắt tay, ra vẻ thân thiết vô cùng. Bấy giờ, Lý Nguyên tin chắc đây là hậu thân của thiền sư Viên Trạch rồi, nên chàng khóc oà lên,

vui buồn lẫn lộn. Người mẹ ngạc nhiên vô ngần, hỏi Lý Nguyên vì sao anh khóc. Thế là chàng đem đầu đuôi tự sự kể lại cho bà và người trong gia đình nghe. Ai cũng động tâm kinh ngạc. Chàng nói: "Tôi hiện trú tại chùa Huệ Lâm, Lạc Dương. Hy vọng về sau chúng ta giữ mối liên lạc. Tôi nhất định sẽ tới thăm chú bé thường xuyên." Nói xong, chàng cáo từ.

Trở về bến đò lo liệu lễ hỏa táng cho thiền sư Viên Trạch xong, Lý Nguyên quyết định lập tức quay về Lạc Dương. Khi Liễu Tịnh mở cửa chùa, thấy Lý Nguyên, chú ngạc nhiên lắm, không hiểu chuyện gì đã xảy ra, sao chẳng thấy sư phụ cùng về. Lý Nguyên bèn kể lại những diễn biến vừa qua. Bấy giờ Liễu Tịnh mới ngậm lệ nói rằng: "Trước khi ra đi sư phụ có để lại bức thư cho Lý cư sĩ đấy. Để tôi lấy cho anh coi!" Nói rồi Liễu Tịnh vào thư phòng lấy ra một phong thư. Lý Nguyên, quỳ xuống, trang trọng nhận lấy thư. Thư ấy viết:

*Kì quân nhĩn khổ, vật ưu quyển,
Thù nghiệp luân hồi vô khả diên,
Duyên kết tam sinh tình vị liễu,
Đãi tùng tha tuế, thoại tiền duyên.*

Ý thơ là: Xin bạn nhĩn khổ, chớ lo lắng quyển luyến. Nghiệp đã tạo ra trong luân hồi, giờ đây tôi phải trả, chẳng thể trì hoãn kéo dài dằng. Song tình bạn giữa chúng ta trong ba đời vẫn chưa dứt hết. Thôi hãy chờ. Tương lai có dịp mình sẽ hàn huyên chuyện cũ, duyên xưa.

Đọc xong thư, Lý Nguyên không thể tự kèm đôi hàng lệ tuôn trào. Nguyên lai Trạch công đã biết trước chuyện này. Nếu ta biết được việc này là thế, ắt ta không đi đường thủy làm gì.

Mấy tháng sau, vào một ngày thu lá rụng, mưa rơi, Lý Nguyên nhận được một lá thư từ thiếu phụ ở Nam Phủ. Song khi xem thư xong lòng chàng sững sốt: Em bé mà Thiền sư Viên Trạch đầu thai đã qua đời. Lý Nguyên suy nghĩ: "Nếu Trạch công ở tại Nam Phủ thì có

gì lại muốn ta tới Chùa Thiên Trúc tương kiến. Nguyên lai là Trạch công đã sớm tiên tri đến đời thứ ba của ngài rồi. Đó phải chăng là ý nghĩa của câu: Duyên kết tam sinh tình vị liễu." Lý Nguyên im lặng đứng bên song cửa, trầm ngâm về ý nghĩa của nhân sinh, về đời Trạch công, về nghiệp duyên của mình...

Thế rồi thời gian thấm thoát thoi đưa. Chớp mắt đã mười ba năm. Lý Nguyên giờ đây thân tuy vẫn trú ngụ tại chùa Huệ Lâm song nét người đã khác với năm xưa. Súc trai tráng, tinh anh lúc mới vào chùa, giờ đây đã nhường lại cho tóc hoa râu, gậy trúc đỡ chân. Song mối tình đạo kháng khít với Trạch công vẫn như xưa. Gần tới ngày tết Trung Thu năm ấy, Lý Nguyên nôn nao chuẩn bị ngựa xe lên đường, nhắm hướng Tây Hồ ở Hàng Châu.

Nghi rằng Trạch công nhất định phải đầu thai ở vùng phụ cận chùa Thiên Trúc, Lý Nguyên bèn đi khắp các nơi quanh chùa để dò tin, song chàng chẳng tìm được tin tức gì. Cuối cùng, đúng như lời Trạch công phú chúc, chàng tới phía sau chùa chờ đợi. Chàng tìm thấy một con lạch nước chảy quanh co, hai bên cây cối u nhã. Hoàng hôn lẹ làng buông xuống trùm phủ khắp nơi...

Một chập sau, ánh trăng rằm đêm Trung Thu từ từ vươn ra khỏi ven núi, thăng lên giữa trời, soi sáng bốn bề. Nhưng Lý Nguyên nào còn lòng dạ để ngắm trăng? Bụng dạ chàng cứ nao nao, bồn chồn: "Không biết Trạch công có nhớ lời hứa chẳng? Với râu tóc, mặt mày biến đổi theo tuế nguyệt của ta, Ngài có nhận ra ta chẳng?" Cảm thấy chỗ ngồi của mình không phải dễ dàng để kẻ khác thấy, Lý Nguyên bèn rảo bước tìm một tảng đá cực lớn, rồi leo lên đứng trên ấy, chờ đợi.

Chẳng bao lâu, tiếng bước chân lao xao vang lại từ bên kia con lạch. Nhìn kỹ, Lý Nguyên thấy một em bé diện mạo đoan chính, thanh thản tự tại, cỡi lưng trâu, từ từ tiến tới. Trần ngập xúc động, Lý Nguyên lấp bắp: "Phải chăng là Trạch..." Chàng chưa dứt lời, em bé miệng mỉm cười, thông thả ngâm lên bài thơ rằng:

*Tam sinh thạch thượng cụu tinh hồn,
Thưởng nguyệt ngâm phong mặc yếu luận,
Tầm quý tình nhân viễn tương phỏng,
Thử thân tuy dị tánh trường tồn.*

Ý thơ là: Lý Nguyên, kẻ đang đứng trên hòn đá ấy là bạn cũ trong ba đời của ta. Song chúng ta chớ nói chuyện ngấm trăng, ngâm thơ, đàm luận làm gì. Ta thật hổ thẹn để người bạn thân thương từ xa đến thăm viếng. Thân ta tuy đã đổi thay song bản tánh Phật của ta thì còn mãi mãi.

Biết chắc là Trạch công, Lý Nguyên mừng rỡ xúc động: "Đúng là Trạch công! Trạch công..."

Chú bé thông dong tiếp lời: Lý cư sĩ! Ngài thật là giữ đúng chữ tín! Lý cư sĩ! Đường của ngài và của tôi thì khác nhau lắm. Duyên đời của ngài vẫn còn chưa hết. Nếu ngài tiếp tục tu hành, không đọa lạc vào tam ác đạo thì tương lai chúng ta sẽ còn hội ngộ.

Lý Nguyên ngỡ ngàng: "A! Trạch công, nói thế, phải chăng ngài chẳng có ý về chùa Huệ Lâm?"

Chú bé mỉm cười: "Lý cư sĩ! Nhân duyên trên đời hễ có hợp thì phải có tan. Có hoa nào nở rồi chẳng tàn, lá mọc mà chẳng rụng, cuộc họp mặt chẳng tan? Buồn đau quyến luyến nào có ích gì."

Nói rồi, chú bé vỗ lưng trâu, mà rằng: "Đi thôi trâu! Lý cư sĩ! Xin ngài hãy nhớ lời tôi nhé: tiếp tục tu hành, đừng đọa vào ba ác đạo thì tương lai chúng ta sẽ lại tương kiến."

Thế rồi chú cỡi trâu thông thả quay đầu bước về hướng mà trâu đã tới. Chú bé từ từ nhẹ nhẹ cất lên lời ngâm thơ êm ả:

*Thân tiền thân hậu sự mang mang,
Dục thoại nhân duyên khủng đoạn trường,
Ngô Việt tam xuyên tầm dĩ biến,
Khước hồi yên trác thoại cù đường.
Thân tiền*

Ý thơ là: Đời trước và kiếp sau mọi chuyện thật là mệnh mang mịt mù. Muốn nói hết

nhân duyên mọi chuyện nhưng sợ rằng bạn sẽ đau buồn đứt ruột. Núi này song nọ tôi đã tìm hết thấy, nhưng chỉ có trở về nơi nhà đây mới thấy nó (Phật tánh).

Lý Nguyên đứng lặng như trời trồng, chẳng biết phải phản ứng ra sao. Chàng tự nghĩ cuộc hội ngộ hôm nay lẽ nào ngăn ngại đến thế. Mình phải mời cho được Trạch công về lại chùa cũ để hàn huyên tâm sự... Đến khi bóng trâu và em bé từ khuất lần sau lùm cây, chàng mới giật mình choàng tỉnh. Hốt hoảng chàng kêu lên: Trạch công! Trạch công! . . . Rồi cố gắng hết sức mình, chàng vội vã leo xuống tảng đá. Hốt hải vì sợ không đuổi theo kịp Trạch công, chàng hấp tấp bước ngang qua lạch. Trong lúc cấp bách, chàng vất chân, té nhào xuống lạch. Cố gắng đứng dậy, toàn thân ướt đẫm, phải khó khăn lắm chàng mới lê bước qua được con lạch. Bấy giờ đưa mắt nhìn quanh, chỉ thấy dưới ánh trăng rằm, mọi nơi yên lặng như tờ. Tiếng côn trùng gọi réo về đêm vang vọng bốn bề. Nhưng đâu là bóng dáng Trạch công? Bất giác hai hàng lệ tuôn dài trên má Lý Nguyên.

Lý Nguyên về sau trở lại chùa Huệ Lâm tiếp tục tu hành. Hai năm sau quan ngự sử là Lý Đức Dục tấu biểu rằng Lý Nguyên là người trung hậu, chí hiếu, đạo đức, thỉnh vua phong quan trọng dụng. Bấy giờ Đường Mục Tông nghe tấu bèn phong Lý Nguyên chức Giám Nghị đại phu, song chàng cương quyết thoái từ. Chàng tiếp tục tu hành tinh tấn ở chùa, giúp đỡ giáo hóa bạn đạo hiểu rõ ý nghĩa nhân quả. Chàng cảm nhận sâu xa sức mạnh vô biên của nghiệp, và nỗi hiểm nghèo sống và lưu chuyển trong cõi Ta Bà này. Thật chẳng có gì cấp bách hơn thành tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, để vĩnh thoát luân hồi.



Hoa Nghiêm

Thế nào là ma nghiệp?

(tiếp theo)

4. Viên thiện tri thức, cận ác tri thức, lạc cầu nhị thừa, bất lạc thọ sinh, chí hướng Niết Bàn, ly dục tịch tịnh.

(Xa rời bậc thiện tri thức, gần gũi kẻ ác tri thức, ưa thích pháp Nhị thừa, chẳng ưa việc thọ sinh, chí hướng về Niết Bàn, ly dục tịch tịnh).

Thiện tri thức là bậc chính trực đức hạnh, hiểu biết chân lý, có lòng từ bi, có thể dạy mình đi đường chính, làm người tốt. theo kinh Hoa Nghiêm bậc thiện tri thức có nhiều loại :

- a. Kẻ có thể làm cho ta an trụ tâm bồ đề: làm ta phát triển lòng đại bi, đại nguyện, tu hành hướng về nhất thiết trí.
- b. Kẻ có thể làm cho ta tu tập thiện căn: làm ta phát triển đạo đức, công hạnh tốt, hiểu biết đúng đắn, xả thân làm lợi ích chúng sinh.
- c. Kẻ làm ta tới chỗ cứu cánh của pháp ba la mật: tức làm ta tu tập các pháp ba la mật tới chỗ rốt ráo viên mãn.
- d. Kẻ có thể phân biệt, thuyết giải tất cả các pháp: tức là kẻ hiểu thấu tường tận các pháp môn và sự lý tu hành, do đó có thể giảng giải cho ta hiểu biết để dứt trừ nghi hoặc.
- e. Kẻ có thể làm ta an trụ thành thực tất cả chúng sinh: Thành thực chúng sinh là làm tâm bồ đề của chúng sinh khởi phát, tăng trưởng, và viên mãn. Công hạnh thành thực chúng sinh đòi sự thành khẩn, tín nhiệm, nhẫn nại và từ bi.
- f. Kẻ có đầy đủ biện tài trí huệ, tùy theo

vấn đề khéo léo giải đáp: tức là kẻ có trí huệ hiểu biết đường đạo, có năng lực giải trừ nghi vấn và nghi ngờ của ta.

- g. Kẻ làm ta không chấp trước vào sinh tử: Chỉ có người bạn tốt mới có thể giúp ta không đắm trước vào năm thứ dục vọng của thế gian như tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống và hưởng thụ. Vị thiện tri thức cũng còn giúp ta biết được chỗ chấp trước, thói quen xấu vi tế của mình và khiến mình dừng cảm xả bỏ những chấp trước ấy.
- h. Kẻ làm ta tu bồ tát hạnh trong vô lượng kiếp mà không hề sinh lòng nhàm chán mệt mỏi: Bồ tát hạnh là công hạnh không có ngừng nghỉ, không có giới hạn trong không gian và thời gian, do đó đòi hỏi hành giả phải có lòng tinh tấn và nhẫn nại vô biên. Vị thiện tri thức dạy ta tu bồ tát hạnh như vậy thì không những có lòng nhẫn nại và từ bi, mà ngài còn có trí huệ thấu suốt nhân quả của việc tu hành nữa.
- i. Kẻ làm ta an trụ nơi hạnh Phổ Hiền: tức là làm ta tu tập bồ tát hạnh cho đến cứu cánh. Tinh thần của đức Phổ Hiền trong khi tu hành là tinh thần: "Đến khi nào thế giới chúng sinh cùng tận, nghiệp báo của chúng sinh dứt sạch, phiền não của chúng sinh hết tận, lúc đó hạnh nguyện tu hành của ta mới hết."
- j. Kẻ làm ta thâm nhập vào trí huệ của chư Phật: tức là dẫn dắt ta vĩnh viễn đi trên chính đạo, khai mở, chỉ bày, làm ta thể nghiệm và cuối cùng hội nhập vào cảnh giới của chư Phật.

Những kẻ gọi là *ác tri thức* là những ai làm

trái ngược với những điều trên; ví dụ như làm ta thối thất bồ đề tâm, hoặc làm ta hủy phá giới luật, lánh xa Tam Bảo, trở nên cống cao ngã mạn, ích kỷ tự thị, chẳng muốn hy sinh xả thân tu bồ tát đạo, chỉ muốn hưởng thụ thú vui thế gian dục lạc, sống đời nhỏ hẹp, hướng ngoại. Tóm lại, thiện tri thức thì khuyến khích điều tốt, khiến ta hướng thượng; ác tri thức thì dạy ta buông lung, đắm nhiễm ngũ dục, khởi tri kiến sai lầm nhân quả, rồi sinh đọa lạc.

Bởi vì không thấu rõ rốt ráo ngọn ngành đường tu, không gần gũi thiện tri thức, để được khuyến khích và chỉ dạy đúng đắn pháp tu nên hành giả sinh tri kiến sai lầm về chuyện tu trì. Một trong những lỗi lầm thông thường nhất là cho rằng có quả vị khả chứng, có cảnh giới khả đắc. Tâm ấy gọi là tâm lượng tự hạn chế, nhỏ hẹp. Người tu đạo gọi tâm ấy là tâm nhị thừa. Đối với người sơ cơ hay lão luyện tu hành, khuynh hướng thích so sánh, như so sánh địa vị cao thấp, so sánh công phu, biện tài, phước đức, v.v.. đều là nhân xấu đưa tới con đường hạn chế nhỏ hẹp hay ma đạo. Đối với người tu chứng cảnh giới thâm sâu thì khuynh hướng an trụ Niết Bàn sẽ hạn chế sự phát triển viên mãn bồ đề tâm và do đó ngăn chặn sự viên thành chánh đẳng chánh giác. Ngài Tịnh Am có lời khuyên như vậy:

Vì biết tự tánh là chúng sinh nên mình nguyện độ thoát hết thấy.

Vì biết tự tánh là Phật đạo nên mình nguyện thành tựu đạo cả.

*Chẳng thứ gì rời ra tâm này mà tự hiện hữu.
Do vậy, hãy dùng tâm lượng rộng rãi như hư không để:*

phát nguyện vô biên như hư không,

tu hạnh vô cùng như hư không,

chứng quả vô lượng như hư không.

*Song phải biết, đặc tính vô tận như hư không
chẳng có thể chứng đắc.*

Do vậy bồ tát không sợ hãi phải đi thọ sinh hay chuyển thân đầu thai. Các ngài cũng không thích thú lưu huyền trong song tử luân hồi. Các ngài chỉ tùy duyên độ sinh mà ứng hiện trong thế gian. Trong lúc độ sinh các ngài thực hành

vô vản công hạnh, với tâm lượng vô ngại không chấp trước. Các ngài luôn luôn là bậc thiện tri thức, chỉ đạo đường lành. Tinh thần vô ngại giữa hai đối cực nhập thế và xuất thế bắt nguồn từ sự thể nghiệm thâm sâu Phật tánh bình đẳng, và được vận dụng bởi lòng vô ngã và đại từ bi. Do đó bồ tát luôn tu trung đạo, không ghét thọ sinh, không tham bình an trong cõi tịch tịnh ly dục. Tóm lại, đối với những kẻ sơ cơ như chúng ta thì mình nên gần gũi thiện tri thức, phát chí bền sâu, lập nguyện rộng lớn. Đừng hiểu lầm tu tới Niết Bàn thì ngừng nghỉ hết tu; phải tiếp tục tu trì như hạnh Phổ Hiền. Đừng buông lung phá giới, chê bai người tu. Phải tu hạnh ly dục thanh tịnh, nhưng chớ chấp trước công hạnh thanh tịnh, rồi đắm trước vào sự tịch tịnh chẳng muốn độ sinh. Tinh tấn tu hành, nhưng chớ để tri kiến của bản ngã dắt dẫn, lừa gạt. Nói tóm, hãy giữ trung đạo.

Bồ Đề Hải

Kinh Sách Bằng Ấn Tống

- Khai Thị 1, 2, 3: *Những bài Pháp thoại của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Hoa Sen Ngày Xuân: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa*
- Cẩm Nang Tu Đạo: *Ngũ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm*
- **Bảng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)**

Nếu quý muốn thỉnh những băng sách trên, xin gửi cước phí về:

Long Beach Monastery
3361 E. Ocean Blvd.
Long Beach, CA 90803

Chi phiếu xin đề Dharma Realm Buddhist Association hay DRBA/ Vietnamese Account.

Hòa Thượng Hư Vân Hóa Truyện

10. TRIỀU BÁI CÁC CỔ SÁT Ở NAM NHẠC



Tháng tám năm nhâm tý (1852), khi đang 13 tuổi, Ngài theo chú đi triều bái các chùa chiền, các thắng cảnh nổi danh ở núi Hằng Sơn, Nam Nhạc để lễ lạy chư Bồ tát. Tới chỗ nào ngài cũng cảm giác rộn rã như trở lại thăm quê xưa, chốn cũ. Ngài thấy quen thuộc hết như quen biết người thân trong nhà. Do đây mà suy, có lẽ kiếp trước ngài đã từng ở vùng Nam Nhạc, giáo hoá chúng sinh, làm chúng sinh phát tâm tinh tấn dưng mãnh cầu đạo vô thượng.

Hoà thượng Tuyên Hoá có bài kệ rằng:

Nam Nhạc Hằng Sơn diệu cao phong,
Lịch đại tương truyền xuất thánh tăng,
Tam sinh thạch bạn, thù thức thù?
Vạn kiếp sinh trung, thân phục thân.

*Nam Nhạc Hằng Sơn, đỉnh cao ngát,
Xưa nay đời đời hiền thánh tăng,
Bạn "đá ba đời"* ai biết ai,
Sinh trong vạn kiếp, thân vẫn thân**.*

* Xin xem "Tam Sinh Thạch" trang 14

** Thân nghĩa là người thân quyến.

Dharma Realm Buddhist Association *
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803 - USA
e-Mail: BoDeHai@AOL.com

Non-Profit Org.
US POSTAGE
PAID
Long Beach, CA
Permit No.432

To : _____

* **Bồ Đề Hải** phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Long Beach Monastery. Chi phiếu ủng hộ ấn tống, xin đề: DRBA/Bồ Đề Hải Newsletter.